

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS-PT
Ngày 17/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức, ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2022/TLPT-HS ngày 04/01/2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “*Môi giới mại dâm*” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 329/2021/HS-ST ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Họ và tên bị cáo: **NGUYỄN THỊ THU T** (Nguyễn Thị T1); Sinh ngày 13 tháng 8 năm 1989, tại thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Quận Q, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không đi học (Tự học nên biết chữ); Con ông Nguyễn Văn P (Đã chết) và bà Bùi Ánh T2; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 05/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn, cho gia đình bảo lãnh đến nay, có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu T và Vũ Thị N đều là gái bán dâm. Vào khoảng tháng 3 năm 2021, T cùng N đến thuê trọ tại địa chỉ: đường Đ, phường T3, thành phố T4, để hoạt động bán dâm. T sử dụng chiếc điện thoại di động Iphone XS MAX, màu vàng, số Imei: 35727109754276 (gắn sim số thuê bao 0961437860) đăng ký tài khoản Zalo với tên Huyền T kết bạn với các tài khoản Zalo tên Minh R, R1 Nguyễn, Phương Linh H (đều không rõ nhân thân, lai lịch của chủ tài khoản) để làm phương tiện liên lạc phục vụ cho việc mua, bán dâm. T và các đối tượng có tài khoản Zalo trên thỏa thuận: *Nếu có người mua dâm liên hệ đến các tài khoản Zalo*

của các đối tượng trên, thì sẽ thông báo địa điểm người mua dâm hẹn đến tài khoản Zalo của T, để T trực tiếp gặp và thỏa thuận việc bán dâm, sau khi bán dâm T sẽ chia cho người sử dụng tài khoản Zalo đã giới thiệu người mua dâm số tiền 200.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 05/4/2021, T nhận được tin nhắn từ tài khoản Zalo Minh R nhắn T đến phòng 202 Nhà nghỉ Y, tại địa chỉ: đường Đ1, phường T3, thành phố T4 (do chị Trương Hà X làm chủ), để bán dâm. T đồng ý và nhờ N chở đến địa chỉ trên. N điều khiển chiếc xe đạp điện hiệu HT BIKE chở T đi đến Nhà nghỉ Y. Tại đây, T lên tầng 02 của nhà nghỉ và đến phòng 202, thì gặp Nguyễn Văn A, là người mua dâm đang ở trong phòng. T và Văn A thỏa thuận với nhau mua, bán dâm với giá 1.300.000 đồng/02 lần, nhưng do không đủ tiền, nên Văn A đưa trước cho T 1.100.000 đồng, còn nợ lại 200.000 đồng. Sau đó, cả hai tự cởi quần áo đang mặc trên người ra và T lấy 01 bao cao su có sẵn trong phòng đeo vào dương vật của Văn A, rồi cả hai quan hệ tình dục với nhau. Sau khi quan hệ tình dục xong, Văn A nói T gọi thêm một gái bán dâm nữa để Văn A mua dâm cùng với T (cùng lúc với 02 gái bán dâm), thì T đồng ý và dùng tài khoản Zalo Huyền T cài đặt trong chiếc điện thoại di động Iphone XS MAX, gọi và nhắn tin đến tài khoản Zalo M được cài đặt trong chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu vàng (số Imei 355728076510681) của Vũ Thị N rủ N đến phòng 202 của nhà nghỉ để bán dâm, thì N đồng ý. Trong khoảng thời gian này, bạn của Văn A là Phạm Thế K và người tên Q1 (chưa rõ lai lịch) thấy Văn A ở trong nhà nghỉ nên cả hai cùng vào trong phòng 202 nói chuyện với Văn A được một lúc thì bỏ đi. Sau đó, Văn A đi lấy tiền để trả cho T, còn T đi xuống tầng 01 của nhà nghỉ nhắn tin bằng tài khoản Zalo hỏi thúc N đến bán dâm cho Văn A. N nhắn lại là đã đến gặp một nam thanh niên tại phòng 204 của nhà nghỉ, đồng thời chụp hình người nam thanh niên này gửi qua ứng dụng Zalo cho T xem, T xem hình thì biết N đang thỏa thuận mua, bán dâm với K. T hỏi N bán dâm cho K với giá bao nhiêu, N nói K qua phòng 202 của Văn A lấy tiền. Thấy vậy, T nói với N “*Thôi để em lên với thằng của em vậy*” và “*Em lấy 900.000 đồng của nó, bác đi tiếp thằng già kia đi*” nghĩa là để N bán dâm cho K tại phòng 204. Sau đó, T lên lại phòng 202 gặp Văn A, thì N và K cũng đi qua gặp T. Tại đây, K tự đưa cho T 100.000 đồng vì T đã gọi N đến bán dâm cho K, rồi N và K về lại phòng 204 để mua, bán dâm với nhau. Lúc này tại phòng 202, Văn A đưa cho T thêm 500.000 đồng để T tiếp tục bán dâm cho Văn A lần 2. Đối với N, sau khi chở T đến Nhà nghỉ Y, thì đứng chơi ở khu vực quây lễ tân của nhà nghỉ, khi nghe T rủ đi bán dâm N định đi lên phòng 202 thì gặp Phạm Thế K tại khu vực cầu thang gần quây lễ tân, N tưởng K là người T gọi đến để bán dâm nên hỏi “*Anh là khách phòng 202 à?*” K ngầm hiểu N là gái bán dâm nên trả lời là “*Ừ*” và nói N lấy phòng để mua bán dâm. Sau đó, K và N thuê phòng 204 của nhà nghỉ để mua bán dâm. Tại đây K hỏi “*Ai gọi em lên đây?*” N trả lời “*Bé ở phòng 202 gọi lên*”, nghe vậy thì K rủ N đi qua phòng 202 mục đích gặp T cho tiền cảm ơn T đã gọi N đến bán dâm cho K, sau đó cả hai về lại phòng 204 để mua bán dâm với nhau. K và N thỏa thuận tiền mua bán dâm là 600.000 đồng/01 lần quan hệ, K đưa cho N 700.000 đồng (trong đó 600.000 đồng là tiền mua dâm, còn 100.000 đồng là K cho N), rồi cả hai tự cởi quần áo của nhau ra để quan hệ tình dục. N dùng tay và miệng kích thích dương vật của K được khoảng 05 phút thì K xuất tinh ra ngoài. Sau đó K tiếp tục đưa cho N 600.000 đồng để mua dâm lần

hai. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi T và Văn A đang quan hệ tình dục tại phòng 202; N và K đang chuẩn bị quan hệ tình dục tại phòng 204, thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 329/2021/HS-ST ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “*Môi giới mại dâm*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị Thu T 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Ngày 10/11/2021, bị cáo Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu T và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “*Môi giới mại dâm*” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu T để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng xử phạt Nguyễn Thị Thu T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng.

- Bị cáo không tranh luận bào chữa gì thêm chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Thu T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường quy định của pháp luật về trật tự công cộng nên vào ngày 05/4/2021, tại nhà nghỉ Y địa chỉ đường Đ1, phường T3, thành phố T4, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã có hành vi môi giới cho Vũ Thị N bán dâm cho Phạm Thế K, thu lợi bất chính số tiền 100.000đ. Như vậy hành vi bị cáo Nguyễn Thị Thu T thực hiện đã phạm vào tội “*Môi giới mại dâm*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328

của Bộ luật Hình sự; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm chính sách phòng chống tệ nạn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương mà còn là tác nhân gây ra nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm. Bị cáo nhận thức được hành vi môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật, tuy nhiên bị cáo vẫn cố ý thực hiện; do đó hành vi của bị cáo phải bị xử lý thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[2] Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; số tiền thu lợi bất chính không lớn (100.000đ). Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp. Xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đối chiếu với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 về án treo thì bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo nên Hội đồng xét xử cần xem xét thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt, cho bị cáo Nguyễn Thị Thu T được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thu T – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 329/2021/HS-ST ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Thu T.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T (Nguyễn Thị T1) 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu T (Nguyễn Thị Thu) cho Ủy ban nhân dân phường L, quận B, thành phố Hà Nội là nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ I TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- CC THADS Tp. T4;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Văn Tú